

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Số: 148 /TB - HĐXTVC

THÔNG BÁO

**Điểm phỏng vấn (Vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc
tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2020**

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2020; Quyết định số 317/QĐ-SNN ngày 23/3/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2020; Thông báo số 129/TB- HĐXTVC ngày 26/5/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức về việc triệu tập thí sinh dự (Vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2020; Các quy định, Quy chế, nội quy xét tuyển viên chức và các văn bản về xét tuyển viên chức của Chính phủ, Bộ Nội vụ, UBND thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thông báo điểm phỏng vấn (Vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2020 (Có danh sách kèm theo, đăng tải trên Website: sonn.hanoi.gov.vn; Website: sonoivu.hanoi.gov.vn). Điểm phỏng vấn trong thông báo chưa trừ điểm của những trường hợp vi phạm quy chế, nội quy xét tuyển; chưa cộng điểm ưu tiên.

Thông báo này thay cho giấy báo kết quả sát hạch phỏng vấn (Vòng 2). Hội đồng xét tuyển viên chức thông báo để các Ban Giúp việc của Hội đồng xét tuyển; Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan và các thí sinh được biết để thực hiện. /

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Sở Nội vụ Hà Nội; (để b/c)
- Thanh tra Thành phố;
- Giám đốc Sở NN & PTNT;
- Hội đồng xét tuyển; Ban Giám sát;
- Các Ban Giúp việc của Hội đồng;
- Các ĐVTT Sở có chỉ tiêu tuyển dụng;
- Thông báo tại trụ sở Sở NN & PTNT;
- Website: sonn.hanoi.gov.vn;
- Website: sonoivu.hanoi.gov.vn
- Lưu: VT, TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ
Nguyễn Huy Đăng

**ĐIỂM PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số 148/TB-HĐXTVC ngày 12/6/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Vị trí việc làm	Phòng, ban đăng ký dự tuyển	Đơn vị	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm phỏng vấn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Ngày thi: 06/6/2020										
1	NN001	Tào Thị Hay	08/11/1985	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội			Vắng
2	NN002	Nguyễn Thị Liên	24/07/1986	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội			Vắng
3	NN003	Lê Thị Nhị	09/01/1980	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội	Con bệnh binh	5	50
4	NN004	Nguyễn Xuân Trường	23/01/1990	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội			65
5	NN005	Trần Hải Hà	15/07/1986	Kế toán	Kế toán	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP	Con thương binh	5	25
6	NN006	Cần Thị Thu Hiền	18/09/1987	Kế toán	Kế toán	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			40
7	NN007	Hoàng Thị Hiền Trang	13/04/1991	Kế toán	Kế toán	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
8	NN008	Chu Thị Tuyết	19/07/1983	Kế toán	Kế toán	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			70
9	NN009	Nông Thị Mai Dung	03/07/1981	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD	Dân tộc thiểu số	5	55
10	NN010	Nguyễn Thị Mai Hương	29/08/1987	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD			Vắng

11	NN011	Nguyễn Thùy	Linh	27/11/1997	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD			20
12	NN012	Dương Ngọc	Oánh	22/12/1982	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD			50
13	NN013	Nguyễn Hữu	Sỹ	28/05/1989	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD			20
14	NN014	Đinh Thị Ngọc	Tuyết	04/06/1984	Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD			30
15	NN015	Nguyễn Thị	Giang	12/07/1992	Kế toán	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	TT Khuyến nông			20
16	NN016	Khúc Ngọc	Lan	04/06/1988	Kế toán	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	TT Khuyến nông			20
17	NN017	Cần Thị Hồng	Liên	13/11/1981	Kế toán	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	TT Khuyến nông			50
18	NN018	Trịnh Thị Phương	Thảo	16/05/1995	Kế toán	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	TT Khuyến nông			50
19	NN019	Lê Thu	Thúy	03/03/1986	Kế toán	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	TT Khuyến nông			40
20	NN020	Bùi Ánh	Tuyết	26/07/1985	Kế toán	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	TT Khuyến nông			20
21	NN021	Đỗ Thị	Hà	07/04/1980	Tài chính; Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tài chính	BQL Dịch vụ TL			20
22	NN022	Nguyễn Thị Thanh	Nga	07/10/1987	Tài chính; Kế toán	Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tài chính	BQL Dịch vụ TL			55
23	NN023	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	29/03/1989	Tài chính - Ngân hàng	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội			Vắng
24	NN024	Lê Hương	Lan	14/11/1993	Tài chính - Ngân hàng	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	50
25	NN025	Bùi Thị Thùy	Linh	13/11/1989	Tài chính - Ngân hàng	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội			70
26	NN026	Nguyễn Thắng	Lợi	08/08/1993	Tài chính - Ngân hàng	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội			55
27	NN027	Nguyễn Hoàng	Phúc	17/11/1996	Tài chính - Ngân hàng	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch Tài vụ	TT Phát triển NN Hà Nội			Vắng

28	NN028	Đông Thị Thu	Hiền	26/08/1989	Tài chính - Ngân hàng	Kế hoạch	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Cứu hộ động vật hoang dã			68
29	NN029	Đinh Thế Hoàng	Anh	06/01/1997	Kinh tế phát triển: Kinh tế	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD			73
30	NN030	Nguyễn Thị	Dung	18/06/1992	Kinh tế phát triển: Kinh tế	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD			76
31	NN031	Bùi Phương	Thùy	03/05/1992	Kinh tế phát triển: Kinh tế	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ban QL rừng PH - ĐD			62
32	NN032	Dương Tuấn	Anh	23/05/1982	Kinh tế học	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - Tài chính	TT Khuyến nông			61
33	NN033	Nguyễn Danh	Hiệu	12/12/1991	Kinh tế học	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - Tài chính	TT Khuyến nông			74
34	NN034	Trần Minh	Hà	16/05/1991	Kế toán	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			61
35	NN035	Đỗ Thị	Hiền	10/11/1990	Kế toán	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			70
36	NN036	Trần Thị Xuân	Lành	02/09/1987	Kế toán	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			71
37	NN037	Trần Thị	Liên	14/08/1980	Kế toán	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			77
38	NN038	Nguyễn Thị	Nga	10/08/1987	Kế toán	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			56
39	NN039	Nguyễn Thị Kim	Oanh	25/10/1988	Kế toán	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông	Con thương binh	5	70
40	NN040	Lê Thị Mai	Trang	20/11/1981	Kế toán	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			68
41	NN041	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/12/1991	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			80
42	NN042	Vũ Hoàng	Oanh	18/01/1990	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			65
43	NN043	Nguyễn Hồng	Phú	22/06/1990	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			37
44	NN044	Ngô Hoàng	Phương	17/10/1983	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			76
45	NN045	Mai Thu	Trang	22/05/1992	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			79

46	NN046	Phạm Anh	Cương	23/09/1994	Kinh tế Nông nghiệp	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			70
47	NN047	Nguyễn Phương	Liên	07/04/1987	Kinh tế Nông nghiệp	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			Vắng
48	NN048	Hà Phương	Linh	29/07/1997	Kinh tế Nông nghiệp	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			75
49	NN049	Nguyễn Thị	Quyên	13/11/1994	Kinh tế Nông nghiệp	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			50
50	NN050	Trương Thị Như	Quỳnh	01/05/1996	Kinh tế Nông nghiệp	Quản lý Quỹ khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ khuyến nông	TT Khuyến nông			40
51	NN051	Nguyễn Thị Thu	Hiền	26/10/1975	Kế toán	Quản trị vật tư - thiết bị	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			58
52	NN052	Phạm Thị	Minh	07/11/1987	Kế toán	Quản trị vật tư - thiết bị	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			65
53	NN053	Nguyễn Thị Hà	Phương	28/10/1992	Kế toán	Quản trị vật tư - thiết bị	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			79
54	NN054	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/08/1977	Kế toán	Tổ chức cán bộ - Tiền lương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	BQL Phân lũ sông Đáy			52
55	NN055	Trịnh Hoài	Phương	22/07/1996	Kế toán	Tổ chức cán bộ - Tiền lương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	BQL Phân lũ sông Đáy			20
56	NN056	Lê Minh	Huyền	18/12/1989	Kế toán	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			52
57	NN057	Nguyễn Thị	Lợi	26/12/1989	Kế toán	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			31
58	NN058	Lê Thị	Xuân	12/08/1987	Kế toán	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội	Con bệnh binh	5	Vắng

59	NN059	Nguyễn Thị Yên	22/12/1991	Kế toán	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			53
60	NN060	Nguyễn Thị Huyền	07/03/1990	Kế toán	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Phòng Phát triển trồng trọt	TT Phát triển NN Hà Nội			51
61	NN061	Hà Thị Thanh Nga	05/03/1981	Kế toán	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Phòng Phát triển trồng trọt	TT Phát triển NN Hà Nội			51
62	NN062	Phạm Như Quỳnh	27/02/1988	Quản trị kinh doanh	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Phòng Phát triển chăn nuôi	TT Phát triển NN Hà Nội			56
63	NN063	Nguyễn Hoàng Anh	29/08/1990	Kế toán	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Phòng Phát triển chăn nuôi	TT Phát triển NN Hà Nội			51
64	NN064	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/08/1990	Kế toán	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Phòng Phát triển chăn nuôi	TT Phát triển NN Hà Nội			61
65	NN065	Vũ Nguyễn Đại Gia	13/03/1995	Kế toán	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 1	TT Phát triển NN Hà Nội			Vắng
66	NN066	Nguyễn Thị Hà	05/03/1989	Kế toán	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 1	TT Phát triển NN Hà Nội			55

67	NN067	Hoàng Thị Tâm	03/02/1982	Kế toán	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 1	TT Phát triển NN Hà Nội			41
68	NN068	Nguyễn Thị Nhị	01/06/1989	Kế toán	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 1	TT Phát triển NN Hà Nội			29
69	NN069	Bùi Thị Quế	27/03/1988	Kế toán	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			19
70	NN070	Nguyễn Quang Thuần	31/01/1983	Kế toán	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			39
71	NN071	Nguyễn Hữu Phú	19/08/1983	Quản lý kinh tế	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội			31
72	NN072	Nguyễn Đức Thanh	01/10/1978	Quản lý kinh tế	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	53
73	NN073	Phùng Thị Yến	03/07/1982	Quản lý kinh tế	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội			18
74	NN074	Lê Hà Ly	09/11/1994	Kế toán; Quản trị doanh nghiệp	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Thực nghiệm cây trồng	TT Phát triển NN			62

75	NN075	Nguyễn Thị Ngọc	16/08/1989	Kế toán; Quản trị doanh nghiệp	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Thực nghiệm cây trồng	TT Phát triển NN			39
76	NN076	Lê Thị Thúy	07/09/1987	Kế toán; Quản trị doanh nghiệp	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Thực nghiệm cây trồng	TT Phát triển NN			Vắng
77	NN077	Vũ Thị Thanh Vân	22/04/1989	Kế toán; Quản trị doanh nghiệp	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm Thực nghiệm cây trồng	TT Phát triển NN	Con bệnh binh	5	28
78	NN078	Vũ Đức Điệp	24/06/1985	Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm thực nghiệm chăn nuôi - thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			19
79	NN079	Hoàng Thanh Huyền	12/05/1987	Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Trạm thực nghiệm chăn nuôi - thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			51
80	NN080	Trần Quang Đạo	15/12/1994	Quản trị nhân lực	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 2	CC Đề điều và PCLB			21
81	NN081	Lê Thị Thúy	01/05/1979	Quản trị nhân lực	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 2	CC Đề điều và PCLB			Vắng
82	NN082	Nguyễn Thị Hương	24/09/1988	Quản trị kinh doanh; Kế toán - Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			79
83	NN083	Cao Khánh Ly	14/11/1982	Quản trị kinh doanh; Kế toán - Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			20
84	NN084	Đỗ Thị Thanh Vân	13/06/1982	Quản trị kinh doanh; Kế toán - Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			81
85	NN085	Phạm Thị Hoài	12/08/1975	Luật; Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 5	CC Đề điều và PCLB			86
86	NN086	Nguyễn Thị Bạch Lan	23/07/1983	Luật; Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 5	CC Đề điều và PCLB			Vắng
87	NN087	Nguyễn Thị Hương Ly	28/12/1996	Luật; Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 5	CC Đề điều và PCLB			Vắng

88	NN088	Phạm Thị Tâm	12/11/1973	Luật; Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 5	CC Đề điều và PCLB	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	56
89	NN089	Hoàng Ngọc Tân	14/02/1981	Luật; Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 5	CC Đề điều và PCLB			86,5
90	NN090	Nguyễn Văn Tiến	09/02/1989	Luật; Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 5	CC Đề điều và PCLB			84
91	NN091	Nguyễn Diệu Anh	30/08/1997	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB		Con thương binh	22
92	NN092	Trần Xuân Hưng	08/10/1982	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			Vắng
93	NN093	Giáp Thị Thúy Lâm	09/03/1983	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			55
94	NN094	Lưu Thị Lan	05/05/1979	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			60
95	NN095	Ngô Thị Xuân Thu	12/10/1990	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			Vắng
96	NN096	Phạm Thế Vinh	11/12/1989	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	Vắng
97	NN097	Vương Văn Vỹ	18/02/1976	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			50
98	NN098	Diêm Thị Bích	06/04/1991	Quản trị kinh doanh; Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Ba Vì	CC Đề điều và PCLB			60
99	NN099	Vũ Thị Hồng	19/06/1987	Quản trị kinh doanh; Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Ba Vì	CC Đề điều và PCLB			Vắng
100	NN100	Nguyễn Khắc Long	16/12/1990	Quản trị kinh doanh; Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Ba Vì	CC Đề điều và PCLB			30
101	NN101	Đỗ Thanh Thùy	21/06/1979	Quản trị kinh doanh; Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Ba Vì	CC Đề điều và PCLB			81
102	NN102	Nguyễn Hồng Việt	21/05/1978	Quản trị kinh doanh; Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Ba Vì	CC Đề điều và PCLB	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	54
103	NN103	Lý Thùy Linh	17/06/1991	Kế toán - Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Sơn Tây - Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB			73
104	NN104	Lê Thị Tố Uyên	28/02/1982	Kế toán - Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Sơn Tây - Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB			Vắng
105	NN105	An Thùy Linh	01/09/1992	Kế toán - Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Đan Phượng	CC Đề điều và PCLB			62
106	NN106	Tạ Thị Thúy Nga	27/08/1985	Kế toán - Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đề Đan Phượng	CC Đề điều và PCLB			59

107	NN107	Hoàng Thị Phương Ly	02/12/1982	Thương mại	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Ứng Hòa - Mỹ Đức	CC Đề điều và PCLB	Con thương binh	5	89
108	NN108	Nguyễn Thị Xoan	03/06/1988	Thương mại	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Ứng Hòa - Mỹ Đức	CC Đề điều và PCLB			61
109	NN109	Hoàng Thị Nhung	03/04/1984	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Thanh Oai - Chương Mỹ	CC Đề điều và PCLB			66
110	NN110	Kiều Thị Minh Tâm	22/12/1989	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Thanh Oai - Chương Mỹ	CC Đề điều và PCLB			59
111	NN111	Vũ Huyền Trang	24/09/1989	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Thanh Oai - Chương Mỹ	CC Đề điều và PCLB			51
112	NN112	Nguyễn Thị Yên	21/12/1989	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Thanh Oai - Chương Mỹ	CC Đề điều và PCLB			40
113	NN113	Trần Thị Dung	13/12/1989	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			56
114	NN114	Nguyễn Thu Hằng	25/06/1984	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			54
115	NN115	Đỗ Thúy Hạnh	01/12/1992	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			71
116	NN116	Nguyễn Thị Hào	09/09/1990	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			53
117	NN117	Đỗ Đức Phú	13/03/1986	Kinh tế	Hành chính - Tổng hợp	Hạt Quản lý đô thị Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			70
118	NN118	Phan Thị Kim Chi	13/08/1979	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông và chuẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
119	NN119	Hoàng Thị Nội	21/01/1980	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông và chuẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật	CC Chăn nuôi và Thú y			51
120	NN120	Nguyễn Thị Thắm	29/04/1993	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông và chuẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật	CC Chăn nuôi và Thú y			54

121	NN121	Nguyễn Minh	Thùy	22/12/1991	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông và chuẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật	CC Chăn nuôi và Thú y			51,5
122	NN122	Nguyễn Thị	Thúy	28/07/1989	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Chương Mỹ	CC Chăn nuôi và Thú y			54
123	NN123	Tổng Thị	Vân	09/07/1985	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Chương Mỹ	CC Chăn nuôi và Thú y	Con bệnh bình	5	42
124	NN124	Đỗ Thị Thu	Hiền	05/01/1987	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thanh Trì	CC Chăn nuôi và Thú y			50,5
125	NN125	Trịnh Thị	Thom	29/03/1983	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thanh Trì	CC Chăn nuôi và Thú y	Con thương bình	5	39
126	NN126	Kim Văn	Việt	01/07/1991	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thanh Trì	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
127	NN127	Nguyễn Thị Lan	Anh	29/09/1991	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Đống Đa	CC Chăn nuôi và Thú y			65
128	NN128	Lê Thị Thu	Hương	18/09/1985	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Đống Đa	CC Chăn nuôi và Thú y			26
129	NN129	Nguyễn Thế	Lục	02/02/1993	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Đống Đa	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
130	NN130	Nguyễn Thị Phương	Thúy	11/10/1987	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y quận Đống Đa	CC Chăn nuôi và Thú y			39
131	NN131	Đinh Thị Hồng	Cúc	08/11/1986	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thường Tín	CC Chăn nuôi và Thú y			50
132	NN132	Tạ Thúy	Quỳnh	22/10/1989	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thường Tín	CC Chăn nuôi và Thú y			50
133	NN133	Tạ Thị Thúy Kiều	Trang	29/04/1997	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thường Tín	CC Chăn nuôi và Thú y			50
134	NN134	Đỗ Thị Vân	Anh	25/03/1993	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Phú Xuyên	CC Chăn nuôi và Thú y			70
135	NN135	Phùng Thị	Hậu	15/03/1983	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Phú Xuyên	CC Chăn nuôi và Thú y			53

136	NN136	Nguyễn Mạnh	Hoàn	18/06/1977	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Phú Xuyên	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
137	NN137	Trần Quốc	Thanh	20/11/1982	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Phú Xuyên	CC Chăn nuôi và Thú y			50
138	NN138	Nguyễn Minh	Đức	17/10/1992	Kinh tế	Hành chính tổng hợp kiêm thủ quỹ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			84,5
139	NN139	Ngô Ngọc	Hà	12/11/1996	Kinh tế	Hành chính tổng hợp kiêm thủ quỹ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			55
140	NN140	Lê Thanh	Tâm	29/11/1993	Kinh tế	Hành chính tổng hợp kiêm thủ quỹ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
141	NN141	Vũ Thị	Huyền	04/02/1992	Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Cứu hộ động vật hoang dã			Vắng
142	NN142	Phùng Thị	Huyền	26/01/1988	Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Cứu hộ động vật hoang dã			30
143	NN143	Nguyễn Đình	Văn	01/08/1987	Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Cứu hộ động vật hoang dã	Con bệnh binh	5	70
144	NN144	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/03/1995	Luật; Chính sách công	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD			67
145	NN145	Nguyễn Trung	Kiên	23/08/1993	Luật; Chính sách công	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD	Dân tộc thiểu số	5	Vắng
146	NN146	Trịnh Đăng	Linh	24/04/1986	Luật; Chính sách công	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD	Con bệnh binh	5	46
147	NN147	Nguyễn Văn	Nam	24/01/1982	Luật; Chính sách công	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD			42
148	NN148	Tổng Đức	Quy	11/08/1988	Luật; Chính sách công	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD			Vắng
149	NN149	Nguyễn Mạnh	Tuấn	12/06/1991	Luật; Chính sách công	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD			73,5
150	NN150	Vũ Quốc	Uy	21/09/1977	Luật; Chính sách công	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	50
151	NN151	Nguyễn Thị Quang	Anh	22/11/1992	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông			50

152	NN152	Đinh Thị Hà	17/03/1988	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông			61
153	NN153	Trần Thị Hoài	13/06/1979	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông	Con bệnh binh	5	51
154	NN154	Nguyễn Thị Hung	24/10/1988	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông			43
155	NN155	Dặng Xuân	23/06/1983	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông			58
156	NN156	Quách Văn Long	07/05/1997	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông	Dân tộc thiểu số	5	Vắng
157	NN157	Hà Thị Phương Nhung	01/10/1987	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông			61
158	NN158	Đỗ Thị Phương	02/11/1994	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông			Vắng
159	NN159	Chu Thị Trang	15/11/1994	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông	Dân tộc thiểu số	5	Vắng
160	NN160	Nguyễn Anh Tuấn	22/09/1990	Quản trị văn phòng; Công tác xã hội	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	60
161	NN161	Ngô Thị Hiền	06/12/1993	Tài chính - Ngân hàng	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			57
162	NN162	Đỗ Việt Hương	02/11/1988	Tài chính - Ngân hàng	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			50
163	NN163	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	30/07/1994	Tài chính - Ngân hàng	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			28
164	NN164	Nguyễn Quang Tình	07/08/1984	Tài chính - Ngân hàng	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			54
165	NN165	Nguyễn Văn Đức	26/06/1986	Kinh tế nông nghiệp	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thanh Oai	TT Khuyến nông	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	39
166	NN166	Kiều Thị Hải	24/04/1986	Kinh tế nông nghiệp	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thanh Oai	TT Khuyến nông	Con thương binh	5	57
167	NN167	Vũ Thị Hạnh	06/12/1984	Kinh tế nông nghiệp	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thanh Oai	TT Khuyến nông	Con thương binh	5	50

168	NN168	Lê Khánh	Lâm	11/04/1995	Tài chính - Ngân hàng	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Ứng Hòa	TT Khuyến nông			80
169	NN169	Nguyễn Thị	Trang	07/06/1991	Tài chính - Ngân hàng	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Ứng Hòa	TT Khuyến nông			15
170	NN170	Nguyễn Thanh	Hai	10/11/1988	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Đức	TT Khuyến nông			Vắng
171	NN171	Đỗ Nguyễn Thúy	Hằng	02/04/1986	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Đức	TT Khuyến nông			67
172	NN172	Lê Thị	Hồng	18/05/1981	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Đức	TT Khuyến nông			51
173	NN173	Đỗ Thị Thanh	Hương	18/06/1989	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Đức	TT Khuyến nông			62
174	NN174	Đinh Văn	Thắng	18/05/1988	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Đức	TT Khuyến nông			77
175	NN175	Quách Thị Thu	Hằng	16/08/1984	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			65
176	NN176	Tạ Thị	Hoa	31/12/1986	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			78
177	NN177	Nguyễn Thị	Liên	16/08/1990	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			72
178	NN178	Trương Xuân	Nghiêm	12/08/1979	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc	5	50
179	NN179	Đồng Thị	Hoan	07/07/1991	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông khu vực Bắc Từ Liêm - Nam Từ Liêm	TT Khuyến nông			65
180	NN180	Nguyễn Thị	Thảo	21/02/1984	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông khu vực Bắc Từ Liêm - Nam Từ Liêm	TT Khuyến nông			Vắng
181	NN181	Nguyễn Khánh	Vân	10/07/1989	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông khu vực Bắc Từ Liêm - Nam Từ Liêm	TT Khuyến nông			51
182	NN182	Nguyễn Ngọc	Hiền	09/03/1997	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thanh Trì	TT Khuyến nông			53
183	NN183	Nguyễn Thị Minh	Hồng	11/04/1982	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thanh Trì	TT Khuyến nông	Con thương binh	5	77

184	NN184	Hoàng Quốc	Hung	05/03/1969	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thanh Trì	TT Khuyến nông			64
185	NN185	Trần Văn	Thịnh	02/10/1981	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thanh Trì	IT Khuyến nông			81
186	NN186	Nguyễn Thị Yên	Tuyết	17/07/1990	Quản trị kinh doanh	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Thanh Trì	TT Khuyến nông			59
187	NN187	Nguyễn Thị	Chè	25/09/1992	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Gia Lâm	TT Khuyến nông			79
188	NN188	Bùi Thị	Chinh	06/08/1990	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Gia Lâm	TT Khuyến nông			62
189	NN189	Đỗ Thị Thu	Hương	24/01/1983	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Gia Lâm	TT Khuyến nông			53
190	NN190	Nguyễn Hải	Yến	24/11/1990	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Gia Lâm	TT Khuyến nông			51
191	NN191	Nguyễn Danh	Minh	04/04/1990	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông các quận Ven Đô	TT Khuyến nông			60
192	NN192	Kiều Thị	Hường	24/05/1984	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Đông Anh	TT Khuyến nông			55
193	NN193	Đỗ Thị Thủy	An	20/09/1969	Kinh tế Nông nghiệp	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Sóc Sơn	TT Khuyến nông			Vắng
194	NN194	Lê Đăng	Hải	03/08/1985	Kinh tế Nông nghiệp	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Sóc Sơn	TT Khuyến nông			52
195	NN195	Hoàng Chí	Sỹ	10/08/1994	Kinh tế Nông nghiệp	Hành chính - Tổng hợp	Trạm Khuyến nông huyện Sóc Sơn	TT Khuyến nông			62
196	NN196	Nguyễn Thị	Hồng	13/10/1987	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trại Sản xuất giống thủy sản và dịch vụ Thanh Trì	TT Khuyến nông			64
197	NN197	Nguyễn Kim	Phượng	25/05/1979	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Trại Sản xuất giống thủy sản và dịch vụ Thanh Trì	TT Khuyến nông			60
198	NN198	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/08/1984	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổ chức	BQL Dịch vụ TL			61
199	NN199	Đỗ Huyền	Trang	31/07/1982	Kế toán	Hành chính - Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổ chức	BQL Dịch vụ TL			64
200	NN200	Phan Thị Kim	Anh	03/10/1990	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			60

201	NN201	Nguyễn Hữu Mạnh	12/04/1990	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			54
202	NN202	Nguyễn Thị Phương	16/06/1985	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Phòng Hành chính - Tổng hợp	BQL Phân lũ sông Đáy			62
203	NN203	Đỗ Hữu Thắng	17/12/1982	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Phòng Hành chính - Tổng hợp	BQL Phân lũ sông Đáy			60
204	NN204	Lê Thị Kim Oanh	19/06/1994	Ngữ Văn	Thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			65
205	NN205	Lưu Thị Phương	07/12/1981	Ngữ Văn	Thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			68
206	NN206	Tổng Quang Mạnh	10/08/1985	Công tác xã hội	Thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			0
207	NN207	Vũ Minh Trang	09/07/1997	Công tác xã hội	Thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông	Con thương binh	5	66
208	NN208	Đinh Thanh Tùng	28/07/1987	Công tác xã hội	Thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông	Dân tộc thiểu số	5	52
209	NN209	Đoàn Quốc Việt	25/07/1994	Công tác xã hội	Thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			Vắng
210	NN210	Mai Thị Ngọc Bích	18/09/1993	Quản trị văn phòng hoặc Hành chính học (có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ)	Lưu trữ	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			54,5
211	NN211	Tạ Quang Chức	07/12/1994	Quản trị văn phòng hoặc Hành chính học (có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ)	Lưu trữ	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			39,5
212	NN212	Lê Bảo Ngọc	10/10/1988	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Lưu trữ	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Khuyến nông			69
213	NN213	Nguyễn Thị Kim Ngân	18/10/1991	Quản trị kinh doanh	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			63,5

214	NN214	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/08/1997	Quản trị kinh doanh	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			35,5
215	NN215	Hồ Xuân Sang	02/02/1985	Quản trị kinh doanh	Tư vấn, hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch và xúc tiến thương mại	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội	Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành	2,5	Vắng
216	NN216	Trần Thị Đức	06/05/1989	Lâm nghiệp xã hội	Đào tạo tập huấn	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			57
217	NN217	Ngô Huy Hoàng	18/07/1983	Lâm nghiệp xã hội	Đào tạo tập huấn	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			58
218	NN218	Nguyễn Thành Trung	01/11/1996	Lâm nghiệp xã hội	Đào tạo tập huấn	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			34
219	NN219	Nguyễn Hải Anh	16/09/1990	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	Đào tạo tập huấn	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			44
220	NN220	Nguyễn Bình An	14/06/1991	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban Duy tu các CTNN và PTNT			39,5
221	NN221	Lê Ngọc Anh	07/12/1987	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban Duy tu các CTNN và PTNT			Vắng
222	NN222	Hoàng Thị Dung	03/01/1987	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban Duy tu các CTNN và PTNT			37
223	NN223	Nguyễn Thị Hường	30/11/1986	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban Duy tu các CTNN và PTNT			39
224	NN224	Phạm Thị Len	07/03/1982	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban Duy tu các CTNN và PTNT			Vắng
225	NN225	Đặng Thanh Thảo	23/05/1994	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban Duy tu các CTNN và PTNT			36
226	NN226	Nguyễn Thị Thu Uyên	20/06/1995	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban Duy tu các CTNN và PTNT			53

227	NN227	Bùi Như Ý	28/02/1997	Kế toán	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban Duy tu các CTNN và PTNT			Vắng
228	NN228	Trịnh Thị Thanh Hào	21/12/1992	Quản trị kinh doanh	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD			58
229	NN229	Nguyễn Huyền Thương	03/12/1992	Quản trị kinh doanh	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD			36
230	NN230	Đào Thị Xuân Hòa	24/01/1993	Bảo hiểm	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			57
231	NN231	Đặng Thị Linh	02/09/1987	Bảo hiểm	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			52
232	NN232	Đặng Thị Huyền Trang	13/03/1995	Bảo hiểm	Tổ chức nhân sự	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội			58
233	NN233	Phạm Thị Bích	19/08/1988	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			68
234	NN234	Nguyễn Đức Điềm	19/10/1973	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			70
235	NN235	Đặng Văn Hùng	26/11/1990	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			67
236	NN236	Bùi Thị Hoa	17/10/1988	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y			57
237	NN237	Đào Ánh Ngọc	31/12/1985	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y			68
238	NN238	Kiều Thị Thanh Hằng	11/01/1990	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			72
239	NN239	Trần Thanh Loan	27/10/1981	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			75

240	NN240	Phạm Thị Huyền	Huyền	10/08/1988	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thạch Thất	CC Chăn nuôi và Thú y			68
241	NN241	Phí Thị Huyền	Trang	29/11/1990	Kinh tế; Kế toán; Tài chính	Quản trị công sở	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thạch Thất	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
242	NN242	Hoàng Kim	Vỹ	03/02/1976	Điện tử - Viễn thông hoặc Tin học (có chứng chỉ bổ dưỡng nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ)	Văn thư	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Phát triển NN Hà Nội	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	54
243	NN243	Đỗ Thị	Hoa	06/12/1982	Kế toán	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 1	TT Phát triển NN Hà Nội			65
244	NN244	Mai Thị Thanh	Hương	12/07/1989	Kế toán	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 1	TT Phát triển NN Hà Nội			77
245	NN245	Ngô Thị	Thúy	19/10/1988	Kế toán	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 1	TT Phát triển NN Hà Nội			69
246	NN246	Trần Mạnh	Dũng	18/09/1997	Dịch vụ thú y	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			51
247	NN247	Khoa Thanh	Hương	08/09/1981	Dịch vụ thú y	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			51
248	NN248	Phùng Thị	Tuyến	03/07/1991	Dịch vụ thú y	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			57
249	NN249	Nguyễn Văn	Phường	10/09/1995	Trồng trọt	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội			29
250	NN250	Nguyễn Thị	Tâm	28/01/1979	Trồng trọt	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội			26
251	NN251	Đỗ Đức	Toàn	14/03/1972	Trồng trọt	Quản trị công sở	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị	5	30
252	NN252	Tạ Văn	Đang	29/10/1979	Bảo quản chế biến nông sản	Quản trị công sở	Trạm Thực nghiệm cây trồng	TT Phát triển NN Hà Nội			77
253	NN253	Nguyễn Tông	Trung	19/10/1996	Nuôi trồng thủy sản	Quản trị công sở	Trạm thực nghiệm chăn nuôi - thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			46
254	NN254	Trần Thị	Mến	08/06/1969	Thú y	Thủ kho kiêm thủ quỹ	Phòng Tổ chức - Hành chính	TT Cứu hộ động vật hoang dã			61
255	NN255	Hà Thị	Hiên	15/01/1990	Văn thư hành chính	Lưu trữ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Ban QL rừng PH - ĐD			68

256	NN256	Đặng Văn	Diện	27/06/1983	Báo chí	Hỗ trợ thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			71
257	NN257	Lê Văn	Lào	27/02/1995	Báo chí	Hỗ trợ thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			67
258	NN258	Phùng Thị Thu	Vân	03/11/1987	Báo chí	Hỗ trợ thông tin tuyên truyền	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	TT Khuyến nông			56
259	NN259	Hà Thị	Thúy	20/07/1980	Kinh tế nông nghiệp	Quản trị công sở	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao Kỹ thuật Chương Mỹ	TT Khuyến nông			61
260	NN260	Lê Văn	Đức	16/08/1992	Kế toán	Thủ quỹ kiểm thủ kho	Phòng Hành chính - Tổng hợp	BQL Phân lũ sông Đáy			56

Ngày thi: 07/6/2020

261	NN261	Đinh Quốc	Đạt	12/09/1977	Công trình: Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 1	CC Đề điều và PCLB			77
262	NN262	Nguyễn Văn	Hung	10/10/1981	Công trình: Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 1	CC Đề điều và PCLB			Vắng
263	NN263	Vũ Thị	Quý	23/01/1984	Công trình: Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 1	CC Đề điều và PCLB			65
264	NN264	Lê Văn	Dũng	22/06/1990	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Kinh tế xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 2	CC Đề điều và PCLB			Vắng
265	NN265	Lê Thị Ánh	Nguyệt	23/08/1987	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Kinh tế xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 2	CC Đề điều và PCLB			72
266	NN266	Nguyễn Tài	Trí	08/04/1988	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Kinh tế xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 2	CC Đề điều và PCLB			71
267	NN267	Nguyễn Đức	Trung	05/05/1992	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Kinh tế xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 2	CC Đề điều và PCLB			64
268	NN268	Chu Ngọc	Tú	10/07/1980	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Kinh tế xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 2	CC Đề điều và PCLB			56

269	NN269	Đoàn Quang	Chiến	30/12/1987	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			84
270	NN270	Đoãn Hữu	Chiến	07/04/1989	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			80
271	NN271	Nguyễn Thị Minh	Chiến	06/08/1983	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			79
272	NN272	Nguyễn Thị Thanh	Dung	18/03/1996	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			84
273	NN273	Trần Văn	Dũng	20/03/1976	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			Vắng
274	NN274	Bùi Nam	Giang	28/11/1991	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			Vắng
275	NN275	Đỗ Quang	Hung	04/09/1993	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			58
276	NN276	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/09/1991	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			65
277	NN277	Trần Văn	Son	01/06/1976	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			67

278	NN278	Nguyễn Vũ	Thắng	30/12/1995	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			58
279	NN279	Nguyễn Phú	Thanh	06/04/1975	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			69
280	NN280	Lê Đức	Thịnh	19/01/1994	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			4
281	NN281	Phạm Văn	Thu	18/12/1986	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			52
282	NN282	Nguyễn Mạnh	Toàn	13/11/1989	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			44
283	NN283	Trần Thị Huyền	Trang	28/02/1996	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB	Dân tộc thiểu số	5	85
284	NN284	Hồ Minh	Trí	15/12/1991	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			Vắng
285	NN285	Trần Ngọc	Tú	26/12/1992	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			60
286	NN286	Phùng Sơn	Tùng	12/09/1996	Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Thủy nông cải tạo đất; Kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 3	CC Đề điều và PCLB			65
287	NN287	Nguyễn Mai	Chi	24/11/1995	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 5	CC Đề điều và PCLB	Dân tộc thiểu số	5	63

288	NN288	Nguyễn Thị Mai	01/09/1989	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 5	CC Đề điều và PCLB			60
289	NN289	Kim Cương	14/10/1988	Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 6	CC Đề điều và PCLB			55
290	NN290	Nguyễn Thành Dương	21/02/1991	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			Vắng
291	NN291	Vương Văn Hạng	16/06/1987	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			Vắng
292	NN292	Lê Đức Huy	05/10/1991	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			32
293	NN293	Nguyễn Hữu Khương	15/08/1986	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			Vắng
294	NN294	Nguyễn Cao Kỳ	26/08/1989	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			50
295	NN295	Lê Văn Mạnh	10/11/1987	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			91
296	NN296	Nguyễn Phan Quang	14/08/1994	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			40
297	NN297	Đỗ Quang Sâm	17/09/1982	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			62
298	NN298	Dương Xuân Tinh	22/08/1979	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			Vắng
299	NN299	Nguyễn Long An	11/10/1991	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Ba Vi	CC Đề điều và PCLB			55
300	NN300	Hoàng Văn Bách	11/06/1987	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Ba Vi	CC Đề điều và PCLB			40
301	NN301	Khuất Trọng Hiếu	10/04/1995	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Ba Vi	CC Đề điều và PCLB			56
302	NN302	Khuất Thị Lệ Quyên	21/08/1996	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Ba Vi	CC Đề điều và PCLB			Vắng

303	NN303	Vương Thị Thu	Hoài	01/03/1995	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình thủy lợi	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Sơn Tây Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB			79
304	NN304	Ngô Thị Thúy	Lụa	07/09/1980	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình thủy lợi	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Sơn Tây Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB			Vắng
305	NN305	Nguyễn Thị	Lượng	05/11/1984	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình thủy lợi	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Sơn Tây Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB			60
306	NN306	Vũ Đắc	Tiến	29/03/1987	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình thủy lợi	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Sơn Tây Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB			73
307	NN307	Nguyễn Chí	Vượng	26/10/1992	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước; Công trình thủy lợi	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Sơn Tây Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB			55
308	NN308	Phùng Xuân	Cường	01/11/1983	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Đan Phượng	CC Đề điều và PCLB			67
309	NN309	Kiều Cũng	Được	21/08/1980	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Đan Phượng	CC Đề điều và PCLB			55
310	NN310	Lê Duy	Nam	01/06/1996	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Đan Phượng	CC Đề điều và PCLB			65
311	NN311	Đào Thị Mai	Phương	26/08/1990	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Đan Phượng	CC Đề điều và PCLB			55
312	NN312	Nguyễn Thị	Thêu	27/03/1988	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Đan Phượng	CC Đề điều và PCLB	Con thương binh	5	75
313	NN313	Bạch Văn	An	08/05/1992	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Ứng Hòa - Mỹ Đức	CC Đề điều và PCLB			51
314	NN314	Trần Ngọc	Tiến	19/06/1984	Kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Ứng Hòa - Mỹ Đức	CC Đề điều và PCLB			81
315	NN315	Lê Minh	Tuấn	25/12/1991	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Thanh Oai - Chương Mỹ	CC Đề điều và PCLB			59
316	NN316	Trần Thị	Hằng	08/12/1994	Kỹ thuật Công trình; Công trình thủy điện	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			51

317	NN317	Phạm Nam	Khánh	18/12/1986	Kỹ thuật Công trình; Công trình thủy điện	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			57
318	NN318	Dương Quang	Khởi	24/07/1986	Kỹ thuật Công trình; Công trình thủy điện	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			Vắng
319	NN319	Lê Xuân	Sanh	08/07/1985	Kỹ thuật Công trình; Công trình thủy điện	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			Vắng
320	NN320	Dương Trịnh Thu	Son	11/08/1983	Kỹ thuật Công trình; Công trình thủy điện	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			0
321	NN321	Nguyễn Việt	Tùng	10/10/1990	Kỹ thuật Công trình; Công trình thủy điện	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			63
322	NN322	Lê Quang	Vấn	15/03/1993	Kỹ thuật Công trình; Công trình thủy điện	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Hoài Đức	CC Đề điều và PCLB			85
323	NN323	Ngô Thị Thu	Đồng	01/09/1990	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			71,5
324	NN324	Nguyễn Nhã	Đức	21/07/1987	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			70
325	NN325	Đào Thanh	Huyền	10/08/1996	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			53
326	NN326	Nguyễn Thị	Thuận	30/11/1982	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			62,5
327	NN327	Nguyễn Nhật	Tuyến	30/12/1983	Kỹ thuật Công trình xây dựng; Kỹ thuật Tài nguyên nước	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			51
328	NN328	Đoàn Đức	Hùng	29/12/1975	Xây dựng cầu đường	Quản lý và Bảo vệ đề điều	Hạt Quản lý đề Mê Linh	CC Đề điều và PCLB	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	56,5
329	NN329	Nguyễn Văn	Bảy	28/09/1980	Kỹ thuật công trình Thủy lợi; Thủy văn; Cơ khí; Xây dựng cầu đường bộ	Kế hoạch Kỹ thuật	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	BQL Phân lũ sông Đáy			65
330	NN330	Hoàng Đức	Công	23/07/1979	Kỹ thuật công trình Thủy lợi; Thủy văn; Cơ khí; Xây dựng cầu đường bộ	Kế hoạch Kỹ thuật	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	BQL Phân lũ sông Đáy			39
331	NN331	Nguyễn Tuấn	Đức	08/01/1991	Kỹ thuật công trình Thủy lợi; Thủy văn; Cơ khí; Xây dựng cầu đường bộ	Kế hoạch Kỹ thuật	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	BQL Phân lũ sông Đáy			72

2

332	NN332	Nguyễn Kim	Dũng	08/02/1985	Kỹ thuật công trình Thủy lợi; Thủy văn: Cơ khí; Xây dựng cầu đường bộ	Kế hoạch Kỹ thuật	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	BQL. Phân lũ sông Đáy			80
333	NN333	Kiều Văn	Hải	28/03/1985	Kỹ thuật công trình Thủy lợi; Thủy văn: Cơ khí; Xây dựng cầu đường bộ	Kế hoạch Kỹ thuật	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	BQL. Phân lũ sông Đáy	Con thương binh	5	61
334	NN334	Nguyễn Tiến	Huy	02/02/1985	Kỹ thuật công trình Thủy lợi; Thủy văn: Cơ khí; Xây dựng cầu đường bộ	Kế hoạch Kỹ thuật	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	BQL. Phân lũ sông Đáy			77,5
335	NN335	Nguyễn Thị	Loan	09/12/1986	Kỹ thuật công trình Thủy lợi; Thủy văn: Cơ khí; Xây dựng cầu đường bộ	Kế hoạch Kỹ thuật	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	BQL. Phân lũ sông Đáy			Vắng
336	NN336	Trịnh Tiến	Trường	21/05/1990	Kỹ thuật công trình Thủy lợi; Thủy văn: Cơ khí; Xây dựng cầu đường bộ	Kế hoạch Kỹ thuật	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	BQL. Phân lũ sông Đáy			76
337	NN337	Nguyễn Hữu	Tuân	12/03/1988	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật vận hành, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý vận hành Đập Đáy - Hiệp Thuận	BQL. Phân lũ sông Đáy			74
338	NN338	Lưu Nhật	Tùng	18/04/1991	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật vận hành, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý vận hành Vân Cốc - Cẩm Đình	BQL. Phân lũ sông Đáy			25,5
339	NN339	Nguyễn Thị	Vân	10/08/1990	Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn	Quản lý kênh và công trình trên kênh	Phòng Quản lý kênh và Bảo vệ cụm công trình dầu mồi	BQL. Phân lũ sông Đáy			70
340	NN340	Nguyễn Ngọc	Hải	16/03/1970	Thi công; Thiết kế thi công	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			66
341	NN341	Nguyễn Văn	Minh	10/09/1985	Thi công; Thiết kế thi công	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			53
342	NN342	Nguyễn Bá	Ôn	10/10/1982	Thi công; Thiết kế thi công	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề số 7	CC Đề điều và PCLB			60,5
343	NN343	Khổng Minh	Phong	07/08/1976	Công trình; Công trình thủy lợi; Kỹ thuật Công trình	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Ba Vi	CC Đề điều và PCLB			55
344	NN344	Phương Văn	Thân	02/03/1992	Công trình; Công trình thủy lợi; Kỹ thuật Công trình	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Ba Vi	CC Đề điều và PCLB			74
345	NN345	Nguyễn Văn	Bài	08/04/1980	Công trình; Trắc địa	Quản lý và bảo vệ đề điều ngạch Trung cấp	Hạt Quản lý đề Sơn Tây - Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB	Con bệnh binh	5	59

346	NN346	Khuất Ngọc	Thành	14/02/1994	Công trình; Trắc địa	Quản lý và bảo vệ đề điều ngạch Trung cấp	Hạt Quản lý đề Sơn Tây - Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB			55
347	NN347	Vũ Đức	Vinh	11/11/1985	Công trình; Trắc địa	Quản lý và bảo vệ đề điều ngạch Trung cấp	Hạt Quản lý đề Sơn Tây - Phúc Thọ	CC Đề điều và PCLB	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	55,5
348	NN348	Lê Tiến	Hùng	28/06/1981	Công trình	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Đan Phượng	CC Đề điều và PCLB			64
349	NN349	Đào Ngọc	Sơn	11/02/1997	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Phú Xuyên	CC Đề điều và PCLB			29
350	NN350	Đinh Văn	Thắng	06/01/1995	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Phú Xuyên	CC Đề điều và PCLB			30
351	NN351	Đỗ Thị	Phượng	01/07/1986	Công trình thủy lợi; Thủy lợi Tổng hợp	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Thường Tín	CC Đề điều và PCLB			80,5
352	NN352	Trần Hồng	Thoa	07/04/1991	Công trình thủy lợi; Thủy lợi Tổng hợp	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Thường Tín	CC Đề điều và PCLB			54
353	NN353	Lê Xuân	Đại	23/02/1992	Công trình thủy lợi	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Ứng Hòa - Mỹ Đức	CC Đề điều và PCLB			51
354	NN354	Trần Huy	Hiệu	26/11/1995	Công trình; Kỹ thuật công trình	Quản lý và bảo vệ đề điều ngạch Trung cấp	Hạt Quản lý đề Thanh Oai - Chương Mỹ	CC Đề điều và PCLB	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	31
355	NN355	Đặng Hải	Nam	02/10/1992	Công trình; Kỹ thuật Công trình	Quản lý và bảo vệ đề điều ngạch Trung cấp	Hạt Quản lý đề Thanh Oai - Chương Mỹ	CC Đề điều và PCLB			68
356	NN356	Trịnh Duy	Chiến	13/10/1984	Công trình thủy lợi; Quản lý Thủy nông; Thủy lợi tổng hợp	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			70,5
357	NN357	Nguyễn Văn	Giang	17/01/1991	Công trình thủy lợi; Quản lý Thủy nông; Thủy lợi tổng hợp	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			51
358	NN358	Lê Thị	Hà	04/06/1996	Công trình thủy lợi; Quản lý Thủy nông; Thủy lợi tổng hợp	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			56
359	NN359	Bùi Thị Hạnh	Trang	19/08/1988	Công trình thủy lợi; Quản lý Thủy nông; Thủy lợi tổng hợp	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Quốc Oai - Thạch Thất	CC Đề điều và PCLB			67

360	NN360	Nguyễn Duy	Hậu	28/01/1984	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Mê Linh	CC Đề điều và PCLB			85
361	NN361	Hoàng Mạnh	Hùng	22/09/1995	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Quản lý và Bảo vệ đề điều ngạch trung cấp	Hạt Quản lý đề Mê Linh	CC Đề điều và PCLB			55
362	NN362	Mai Quang	Đức	26/01/1995	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện; Điện công nghiệp	Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý vận hành Đập Đáy - Hiệp Thuận	BQL Phân lũ sông Đáy			24,5
363	NN363	Bùi Vinh	Thái	05/07/1994	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện; Điện công nghiệp	Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý vận hành Đập Đáy - Hiệp Thuận	BQL Phân lũ sông Đáy			51,5
364	NN364	Hoàng Tiến	Bình	12/07/1980	Điện dân dụng và công nghiệp; Sửa chữa điện	Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý vận hành Vân Cốc - Cẩm Đình	BQL Phân lũ sông Đáy			39
365	NN365	Hoàng Thị Thu	Hường	03/06/1978	Điện dân dụng và công nghiệp; Sửa chữa điện	Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý vận hành Vân Cốc - Cẩm Đình	BQL Phân lũ sông Đáy			37
366	NN366	Nguyễn Văn	Đông	16/12/1984	Công trình thủy lợi; Địa chất công trình	Hỗ trợ Quản lý kênh và công trình trên kênh	Phòng Quản lý kênh và Bảo vệ cụm công trình đầu mối	BQL Phân lũ sông Đáy			44
367	NN367	Mai Quang	Tài	26/08/1992	Công trình thủy lợi; Địa chất công trình	Hỗ trợ Quản lý kênh và công trình trên kênh	Phòng Quản lý kênh và Bảo vệ cụm công trình đầu mối	BQL Phân lũ sông Đáy			42,5
368	NN368	Nguyễn Văn	Tư	26/02/1992	Công trình thủy lợi; Địa chất công trình	Hỗ trợ Quản lý kênh và công trình trên kênh	Phòng Quản lý kênh và Bảo vệ cụm công trình đầu mối	BQL Phân lũ sông Đáy			53
369	NN369	Nguyễn Tuấn	Anh	30/09/1993	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			68
370	NN370	Vương Tuấn	Anh	25/08/1992	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			Vắng
371	NN371	Nguyễn Tuấn	Anh	11/06/1988	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			60,5

372	NN372	Đặng Văn	Cẩm	28/05/1988	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án I	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			87,5
373	NN373	Tạ Tiến	Toàn	01/09/1988	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án I	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			44,5
374	NN374	Ngô Đức	Đông	21/10/1991	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án I	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			52,5
375	NN375	Nguyễn Ngọc	Dũng	28/06/1978	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án I	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			51,5
376	NN376	Tổng Văn	Hưng	14/02/1990	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án I	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			80,5
377	NN377	Nguyễn Lý	Huỳnh	14/07/1990	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án I	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			46,5
378	NN378	Nguyễn Thanh	Khởi	18/07/1985	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án I	Ban Duyệt các CTNN và PTNT	Con thương binh	5	50
379	NN379	Nguyễn Đình	Minh	04/08/1991	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án I	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			88,5

380	NN380	Đào Xuân	Quân	01/11/1993	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			60,5
381	NN381	Hoàng Ngọc	Sơn	10/10/1993	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			9
382	NN382	Lê Ngọc	Sơn	22/01/1995	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			88
383	NN383	Nguyễn Doãn	Thắng	10/10/1979	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			71
384	NN384	Nguyễn Văn	Thắng	16/06/1985	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			56
385	NN385	Hoàng Đức	Thuật	01/06/1977	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			Vắng
386	NN386	Đỗ Xuân	Trường	12/06/1992	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			Vắng
387	NN387	Đỗ Đức	Văn	18/07/1975	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 1	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			Vắng

388	NN388	Nguyễn Hoàng	Tân	12/05/1984	Cầu đường bộ	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CTNN và PTNT	Con thương binh	5	81,5
389	NN389	Dặng Thành	Trung	25/02/1985	Cầu đường bộ	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			72,25
390	NN390	Nguyễn Công	Tuấn	28/01/1995	Cầu đường bộ	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			35,5
391	NN391	Lương Mạnh	Tường	01/10/1978	Cầu đường bộ	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CTNN và PTNT	Con thương binh	5	87,5
392	NN392	Hoàng Văn	Ánh	17/08/1994	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CT NN và PTNT			55,5
393	NN393	Nguyễn Công	Đoàn	10/08/1986	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CTNN và PTNT			78
394	NN394	Lương Đức	Linh	12/03/1996	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CT NN và PTNT			Vắng
395	NN395	Nguyễn Hồng	Quân	28/08/1993	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CT NN và PTNT			54,5
396	NN396	Nguyễn Minh	Tuấn	30/09/1989	Công trình thủy lợi; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy	Quản lý dự án	Phòng Quản lý dự án 2	Ban Duyệt các CT NN và PTNT			74,5
397	NN397	Quách Thành	Chung	05/01/1988	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Ba Vì	CC Trồng trọt và BVTV	Con bệnh binh	5	50
398	NN398	Đỗ Thị Thanh	Hoa	10/11/1993	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Ba Vì	CC Trồng trọt và BVTV			51
399	NN399	Nguyễn Thị	Quỳnh	15/07/1996	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Ba Vì	CC Trồng trọt và BVTV			61

400	NN400	Đỗ Ngọc	Hoán	02/03/1994	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Ứng Hòa	CC Trồng trọt và BVTV			37
401	NN401	Nguyễn Thị	Phương	03/06/1991	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Ứng Hòa	CC Trồng trọt và BVTV			53
402	NN402	Trương Thị Tuyết	Sinh	03/07/1985	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Ứng Hòa	CC Trồng trọt và BVTV	Con của người hưởng chính sách như thương binh	5	84
403	NN403	Mai Thanh	Thùy	22/05/1986	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Ứng Hòa	CC Trồng trọt và BVTV			74
404	NN404	Cao Thị Ánh	Tuyết	25/07/1994	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Ứng Hòa	CC Trồng trọt và BVTV			57
405	NN405	Nguyễn Ngọc	Huyền	24/01/1996	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Thường Tín	CC Trồng trọt và BVTV			46
406	NN406	Nguyễn Thị	Mơ	20/08/1988	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Thường Tín	CC Trồng trọt và BVTV			65
407	NN407	Nguyễn Thị Minh	Thiệp	04/02/1990	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Thường Tín	CC Trồng trọt và BVTV			27

408	NN408	Trần Văn Hải	28/04/1978	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phú Xuyên	CC Trồng trọt và BVTV			52
409	NN409	Nguyễn Thanh Hoa	04/01/1997	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phú Xuyên	CC Trồng trọt và BVTV			45
410	NN410	Nguyễn Thị Kiều Oanh	05/06/1990	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phú Xuyên	CC Trồng trọt và BVTV			74
411	NN411	Phan Thị Trang	20/10/1997	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phú Xuyên	CC Trồng trọt và BVTV			15
412	NN412	Chu Thị Ngọc Ánh	13/01/1995	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Đông Anh	CC Trồng trọt và BVTV			90
413	NN413	Trần Sĩ Cương	18/01/1996	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Đông Anh	CC Trồng trọt và BVTV			27
414	NN414	Nguyễn Công Thị Thanh	15/11/1993	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Đông Anh	CC Trồng trọt và BVTV			43
415	NN415	Bùi Thị Như Hoa	03/05/1991	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phúc Thọ	CC Trồng trọt và BVTV			90
416	NN416	Đặng Thị Tuyết Mai	21/12/1993	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phúc Thọ	CC Trồng trọt và BVTV			26

417	NN417	Phan Thị Nga	17/03/1987	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phúc Thọ	CC Trồng trọt và BVTV			50
418	NN418	Bùi Thị Hoài Thu	06/10/1995	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phúc Thọ	CC Trồng trọt và BVTV			0
419	NN419	Nguyễn Thị Thu Trang	14/09/1997	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phúc Thọ	CC Trồng trọt và BVTV			22
420	NN420	Trần Thị Tú	15/01/1986	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phúc Thọ	CC Trồng trọt và BVTV			74
421	NN421	Bùi Thị Tường	10/02/1994	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phúc Thọ	CC Trồng trọt và BVTV	Dân tộc thiểu số	5	Vắng
422	NN422	Đinh Thị Tuyết	02/07/1988	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phúc Thọ	CC Trồng trọt và BVTV			50
423	NN423	Phùng Thanh Hà	12/02/1987	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Mỹ Đức	CC Trồng trọt và BVTV			65
424	NN424	Nguyễn Hữu Hải	25/01/1989	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Mỹ Đức	CC Trồng trọt và BVTV			64
425	NN425	Nguyễn Thị Minh	11/11/1996	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Mỹ Đức	CC Trồng trọt và BVTV			50
426	NN426	Đinh Thị Mừng	09/02/1995	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Mỹ Đức	CC Trồng trọt và BVTV	Con bệnh binh	5	60
427	NN427	Phạm Thị Minh Nguyệt	05/10/1997	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Mỹ Đức	CC Trồng trọt và BVTV			37

428	NN428	Đỗ Thị Mai	Sen	06/08/1986	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Quốc Oai	CC Trồng trọt và BVTV			72
429	NN429	Nguyễn Thị	Tâm	18/11/1980	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Quốc Oai	CC Trồng trọt và BVTV			76
430	NN430	Nguyễn Thị	Thảo	02/03/1984	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Quốc Oai	CC Trồng trọt và BVTV			50
431	NN431	Đỗ Đức	Thuận	13/04/1984	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Quốc Oai	CC Trồng trọt và BVTV			75
432	NN432	Nguyễn Thị Hương	Hạnh	15/02/1989	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Gia Lâm	CC Trồng trọt và BVTV			68
433	NN433	Hoàng Thị Trà	My	08/03/1994	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Gia Lâm	CC Trồng trọt và BVTV			50
434	NN434	Nguyễn Thị Kim	Anh	18/08/1976	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Mê Linh	CC Trồng trọt và BVTV			65,5
435	NN435	Hoàng Thị	Hậu	20/02/1986	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Mê Linh	CC Trồng trọt và BVTV			60,5
436	NN436	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	18/11/1988	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Mê Linh	CC Trồng trọt và BVTV			50,5
437	NN437	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/02/1979	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học.	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Đan Phượng	CC Trồng trọt và BVTV			52
438	NN438	Nguyễn Thị	Hào	22/07/1990	Bảo vệ thực vật: Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học.	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Đan Phượng	CC Trồng trọt và BVTV			73

439	NN439	Bùi Thị	Thùy	13/04/1976	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học.	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Đan Phượng	CC Trồng trọt và BVTV			67
440	NN440	Nguyễn Thu	Hà	25/07/1997	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Thanh Trì	CC Trồng trọt và BVTV			63
441	NN441	Trần Văn	Hải	01/06/1981	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Thanh Trì	CC Trồng trọt và BVTV			67
442	NN442	Đào Thị	Bến	25/10/1987	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV thị xã Sơn Tây	CC Trồng trọt và BVTV	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	56
443	NN443	Đỗ Thu	Lan	11/06/1990	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV thị xã Sơn Tây	CC Trồng trọt và BVTV			Vắng
444	NN444	Dương Thị	Sinh	29/09/1981	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV thị xã Sơn Tây	CC Trồng trọt và BVTV		5	48
445	NN445	Dương Thủy	Hà	19/01/1991	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học; Công nghệ sinh học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Bắc Từ Liêm; Nam Từ Liêm; Tây Hồ	CC Trồng trọt và BVTV			54
446	NN446	Ngô Thị	Hạnh	29/08/1991	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học; Công nghệ sinh học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Bắc Từ Liêm; Nam Từ Liêm; Tây Hồ	CC Trồng trọt và BVTV			53
447	NN447	Phùng Văn	Thao	23/11/1988	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học; Công nghệ sinh học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Bắc Từ Liêm; Nam Từ Liêm; Tây Hồ	CC Trồng trọt và BVTV	Con bệnh binh	5	58
448	NN448	Nguyễn Thị	Hòa	07/05/1990	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV quận Long Biên	CC Trồng trọt và BVTV			67
449	NN449	Phùng Quang	Khải	09/05/1990	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV quận Long Biên	CC Trồng trọt và BVTV			54

450	NN450	Nguyễn Thành	Long	21/01/1996	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV quận Long Biên	CC Trồng trọt và BVTV			47
451	NN451	Trần Thị Hồng	Nhinh	01/10/1988	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV quận Long Biên	CC Trồng trọt và BVTV			46
452	NN452	Chu Thị	Thanh	18/05/1993	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV quận Long Biên	CC Trồng trọt và BVTV			68
453	NN453	Hoàng Thị	Thứ	22/01/1981	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV quận Long Biên	CC Trồng trọt và BVTV			76
454	NN454	Đồng Thị Hải	Yến	20/09/1991	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV quận Long Biên	CC Trồng trọt và BVTV	Con thương binh	5	Vắng
455	NN455	Nguyễn Tiến	Hải	16/12/1975	Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Trồng trọt; Nông nghiệp; Nông học	Quản lý bảo vệ thực vật	Trạm Trồng trọt và BVTV quận Hà Đông	CC Trồng trọt và BVTV	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	51
456	NN456	Trần Thu	Hiền	19/07/1988	Nông học; Trồng trọt; Khoa học cây trồng	Phát triển cây trồng	Phòng Phát triển trồng trọt	TT Phát triển NN Hà Nội			71,5
457	NN457	Nguyễn Thị	Phương	06/12/1976	Nông học; Trồng trọt; Khoa học cây trồng	Phát triển cây trồng	Phòng Phát triển trồng trọt	TT Phát triển NN Hà Nội	Con thương binh	5	72
458	NN458	Kim Thị	Thu	17/07/1996	Nông học; Trồng trọt; Khoa học cây trồng	Phát triển cây trồng	Phòng Phát triển trồng trọt	TT Phát triển NN Hà Nội			64
459	NN459	Nguyễn Mạnh	Tuấn	11/02/1995	Nông học; Trồng trọt; Khoa học cây trồng	Phát triển cây trồng	Phòng Phát triển trồng trọt	TT Phát triển NN Hà Nội			59,5
460	NN460	Đỗ Thị	Tươi	17/06/1996	Nông học; Trồng trọt; Khoa học cây trồng	Phát triển cây trồng	Phòng Phát triển trồng trọt	TT Phát triển NN Hà Nội			51
461	NN461	Nguyễn Thị Hương	Lan	30/08/1996	Khoa học cây trồng	Phát triển cây trồng	Trạm Thực nghiệm cây trồng	TT Phát triển NN Hà Nội			55
462	NN462	Nguyễn Thị	Thúy	11/07/1981	Trồng trọt	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông			72

463	NN463	Nguyễn Văn Hùng	16/12/1985	Phát triển Nông thôn và Khuyến nông	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông			75
464	NN464	Bùi Văn Phong	24/04/1995	Phát triển Nông thôn và Khuyến nông	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông	Dân tộc thiểu số	5	Vắng
465	NN465	Hoàng Văn Tuấn	19/12/1995	Phát triển Nông thôn và Khuyến nông	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông	Dân tộc thiểu số	5	Vắng
466	NN466	Đỗ Quang Vinh	29/01/1993	Phát triển Nông thôn và Khuyến nông	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông			56
467	NN467	Lương Ngọc Linh	01/07/1996	Khoa học cây trồng	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông			Vắng
468	NN468	Ngô Thị Phương Quỳnh	14/09/1990	Khoa học cây trồng	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông			45
469	NN469	Nguyễn Thị Lương	04/06/1983	Lâm học	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông			79,5
470	NN470	Đặng Thị Ngân	15/07/1990	Lâm học	Khuyến nông trồng trọt	Phòng Khuyến nông trồng trọt	TT Khuyến nông			50,5
471	NN471	Nguyễn Thị Hồng	09/08/1989	Khoa học cây trồng	Khuyến nông trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Ba Vì	TT Khuyến nông			60,5
472	NN472	Nguyễn Thị Lan Hương	15/03/1985	Trồng trọt	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông	Con thương binh	5	85
473	NN473	Kiều Thị Lâm	11/01/1988	Trồng trọt	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông			60
474	NN474	Trần Thị Thu Trang	30/06/1991	Trồng trọt	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông			70,5
475	NN475	Cần Thị Thu Hạnh	09/08/1995	Khuyến nông và Phát triển nông thôn	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông			62,5
476	NN476	Phùng Thị Tuyết Nhung	12/01/1995	Khuyến nông và Phát triển nông thôn	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông			40,5
477	NN477	Nguyễn Thị Kiều Trang	13/10/1989	Khuyến nông và Phát triển nông thôn	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông			75

478	NN478	Đỗ Thị Đức	Đức	13/02/1979	Khoa học cây trồng	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Hoài Đức	TT Khuyến nông			61
479	NN479	Phùng Thị Phương Thu	Thu	14/09/1991	Khoa học cây trồng	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Hoài Đức	TT Khuyến nông			68
480	NN480	Phạm Thị Lan Anh	Anh	11/11/1982	Nông học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			82
481	NN481	Nguyễn Hữu Chung	Chung	22/06/1979	Nông học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			58,5
482	NN482	Đỗ Thị Hồng	Hồng	18/09/1981	Nông học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			74,5
483	NN483	Nguyễn Thị Hương	Hương	24/04/1983	Nông học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			71
484	NN484	Nguyễn Thị Giang	Giang	12/01/1992	Khoa học cây trồng	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			67
485	NN485	Dương Mạnh Toàn	Toàn	05/10/1979	Nông học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Ứng Hòa	TT Khuyến nông			70
486	NN486	Lê Thị Xới	Xới	02/05/1981	Nông học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Ứng Hòa	TT Khuyến nông			86
487	NN487	Nguyễn Thị Hương	Hương	15/12/1991	Trồng trọt	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Đức	TT Khuyến nông			72
488	NN488	Lê Nguyên Hùng	Hùng	24/10/1982	Lâm học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Đức	TT Khuyến nông	Con thương binh	5	56
489	NN489	Nguyễn Thị Thu Hương	Hương	01/10/1979	Khoa học cây trồng	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			56,5
490	NN490	Hoàng Thị Thu Hải	Hải	25/09/1993	Phát triển Nông thôn và Khuyến nông	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			Vắng
491	NN491	Vũ Thăng Long	Long	29/08/1989	Phát triển Nông thôn và Khuyến nông	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			52,5

492	NN492	Đông Văn	Tiếp	10/01/1988	Phát triển Nông thôn và Khuyến nông	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			79
493	NN493	Hà Thủy	Tuyền	26/06/1986	Phát triển Nông thôn và Khuyến nông	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			92,5
494	NN494	Nguyễn Thị	Thắm	07/11/1987	Khoa học cây trồng	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông khu vực Bắc Từ Liêm - Nam Từ Liêm	TT Khuyến nông			90
495	NN495	Đào Thu	Thảo	12/03/1984	Công nghệ sinh học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông các quận Ven Đô	TT Khuyến nông			Vắng
496	NN496	Nguyễn Thị	Oanh	24/10/1980	Nông học	Khuyến nông Trồng trọt	Trạm Khuyến nông huyện Mê Linh	TT Khuyến nông			85,5
497	NN497	Vương Thị	Dung	01/11/1987	Trồng trọt	Thực nghiệm kỹ thuật cây trồng	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao Kỹ thuật Chương Mỹ	TT Khuyến nông			89,5
498	NN498	Ngô Thị	Huyền	15/02/1990	Trồng trọt	Thực nghiệm kỹ thuật cây trồng	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao Kỹ thuật Chương Mỹ	TT Khuyến nông			55,5
499	NN499	Cao Thị	Luyến	28/04/1988	Trồng trọt	Thực nghiệm kỹ thuật cây trồng	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao Kỹ thuật Chương Mỹ	TT Khuyến nông	Con thương binh	5	71,5
500	NN500	Nguyễn Việt	Tuấn	17/09/1968	Trồng trọt	Thực nghiệm kỹ thuật cây trồng	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao Kỹ thuật Chương Mỹ	TT Khuyến nông			77,5
501	NN501	Kim Thị	My	13/09/1976	Khoa học cây trồng	Thực nghiệm kỹ thuật cây trồng	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao Kỹ thuật Chương Mỹ	TT Khuyến nông			81
502	NN502	Nguyễn Đức	Bình	09/01/1991	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y	Dân tộc thiểu số	5	40
503	NN503	Nguyễn Quốc	Đạt	04/10/1979	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			70
504	NN504	Bùi Mạnh	Hùng	10/02/1991	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội Kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			85
505	NN505	Nguyễn Mạnh	Hùng	25/08/1993	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng

506	NN506	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/03/1981	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y	Con bệnh bình	5	60
507	NN507	Nguyễn Quang	Huy	04/06/1984	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y	Con thương bình	5	Vắng
508	NN508	Đỗ Văn	Khanh	06/03/1979	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			35
509	NN509	Nguyễn Thị	Lan	03/10/1986	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
510	NN510	Nguyễn Phúc	Long	20/11/1993	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			31
511	NN511	Phan Thị Hồng	Minh	20/02/1987	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			35
512	NN512	Chu Quỳnh	Ngân	02/06/1995	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			52
513	NN513	Nguyễn Thị	Ngân	18/09/1978	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			84
514	NN514	Trần Xuân	Nghệ	22/09/1988	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			75
515	NN515	Đỗ Bích	Ngọc	15/08/1981	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội Kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			37
516	NN516	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/07/1990	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội Kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			83
517	NN517	Nguyễn Thị Hà	Thu	25/09/1988	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			83
518	NN518	Nguyễn Thùy	Trang	18/07/1996	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Đội kiểm dịch động vật lưu động	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
519	NN519	Phí Thị Kim	Liên	05/03/1984	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông và chuẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật	CC Chăn nuôi và Thú y			81
520	NN520	Lê	Thăng	19/11/1992	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông và chuẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật	CC Chăn nuôi và Thú y			30
521	NN521	Trần Thị	Bình	29/07/1979	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng

522	NN522	Hồ Ngọc Châu	17/02/1985	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
523	NN523	Đào Thị Hòa	31/08/1992	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
524	NN524	Nguyễn Thị Thu Hương	05/07/1979	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			75
525	NN525	Phạm Chiến Lâm	10/08/1986	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			83
526	NN526	Lương Thanh Liêm	20/05/1993	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			76
527	NN527	Nguyễn Thị Thanh Loan	04/10/1987	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y	Con bệnh bình	5	80
528	NN528	Nguyễn Văn Thành	20/03/1981	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			65
529	NN529	Nguyễn Đức Thịnh	11/04/1988	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			80
530	NN530	Trần Thị Tinh	22/03/1989	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			78
531	NN531	Trịnh Thùy Trang	16/06/1989	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			78
532	NN532	Kim Thị Huyền Trang	07/07/1996	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			80
533	NN533	Nguyễn Văn Tú	30/03/1993	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mỹ Đức	CC Chăn nuôi và Thú y			66
534	NN534	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/08/1980	Chăn nuôi Thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y			70
535	NN535	Vũ Thị Hồng	15/07/1985	Chăn nuôi Thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y			76
536	NN536	Trần Thị Nga	16/07/1987	Chăn nuôi Thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y			86
537	NN537	Vương Thị Phương	11/06/1991	Chăn nuôi Thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y			54
538	NN538	Lê Thị Phượng	01/11/1981	Chăn nuôi Thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y			84
539	NN539	Đỗ Thị Hồng Thắm	10/09/1989	Chăn nuôi Thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y			80
540	NN540	Kiều Văn Thắng	17/07/1984	Chăn nuôi Thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mê Linh	CC Chăn nuôi và Thú y	Con thương bình	5	76

541	NN541	Hồng	Gầm	20/11/1983	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			83
542	NN542	Phạm Thị	Hồng	26/04/1993	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			84
543	NN543	Nguyễn Thị Hương	Lan	07/10/1977	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			81
544	NN544	Nguyễn Thị Phương	Lan	09/03/1984	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			72
545	NN545	Đặng Hoàng	Lân	15/09/1994	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			60
546	NN546	Nguyễn Thị	Mến	12/01/1997	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			51
547	NN547	Nguyễn Trọng	Ngọc	26/04/1988	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			52
548	NN548	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/11/1991	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			53
549	NN549	Đàm Thị	Nguyệt	30/12/1985	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			50
550	NN550	Chu Anh	Tài	20/05/1980	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			54
551	NN551	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	02/05/1981	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			50
552	NN552	Thạch Thị Thu	Trang	12/09/1990	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			55
553	NN553	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	01/12/1987	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Gia Lâm	CC Chăn nuôi và Thú y			Vắng
554	NN554	Tạ Phương	Anh	19/10/1996	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thường Tín	CC Chăn nuôi và Thú y			54
555	NN555	Trần Văn	Hiệp	06/08/1993	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thường Tín	CC Chăn nuôi và Thú y	Hoàn thành nghĩa vụ	2,5	Vắng
556	NN556	Dương Văn	Sĩ	08/02/1981	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thường Tín	CC Chăn nuôi và Thú y			83
557	NN557	Nguyễn Bá	Xuân	12/09/1978	Chăn nuôi thú y; Thú y	Quản lý dịch bệnh	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Thường Tín	CC Chăn nuôi và Thú y	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến hi	5	77
558	NN558	Tạ Thị	Hương	30/01/1995	Nuôi trồng thủy sản	Phát triển thủy sản	Phòng Phát triển thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			45
559	NN559	Vũ Thị	Ngân	01/08/1991	Nuôi trồng thủy sản	Phát triển thủy sản	Phòng Phát triển thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			65

560	NN560	Trần Thị	Thúy	15/07/1986	Nuôi trồng thủy sản	Phát triển thủy sản	Phòng Phát triển thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			75
561	NN561	Trương Thị Thu	Trang	09/07/1990	Nuôi trồng thủy sản	Phát triển thủy sản	Phòng Phát triển thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			Vắng
562	NN562	Lã Bảo	Trung	10/11/1985	Nuôi trồng thủy sản	Phát triển thủy sản	Phòng Phát triển thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			80
563	NN563	Vũ Văn	Nguyễn	20/09/1984	Nuôi trồng thủy sản	Thực nghiệm, khảo nghiệm, chọn lọc, duy trì, các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Phòng Phát triển thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			50
564	NN564	Phạm Ngọc	Vĩnh	11/01/1980	Nuôi trồng thủy sản	Thực nghiệm, khảo nghiệm, chọn lọc, duy trì, các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Phòng Phát triển thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			Vắng
565	NN565	Phạm Hồng	Sơn	20/11/1990	Nuôi trồng thủy sản	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật	Phòng Phát triển thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			60
566	NN566	Nguyễn Văn	Dương	21/09/1986	Nuôi trồng thủy sản	Sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Trạm thực nghiệm chăn nuôi - thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			55
567	NN567	Hoàng Thị	Quy	05/11/1988	Nuôi trồng thủy sản	Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen	Trạm thực nghiệm chăn nuôi - thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			55
568	NN568	Nguyễn Thị	Vinh	15/05/1987	Nuôi trồng thủy sản	Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen	Trạm thực nghiệm chăn nuôi - thủy sản	TT Phát triển NN Hà Nội			65
569	NN569	Phùng Khắc	Dũng	18/11/1987	Nuôi trồng thủy sản	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Phòng Khuyến nông chăn nuôi - Thủy sản	TT Khuyến nông			60
570	NN570	Phạm	Minh	14/02/1970	Nuôi trồng thủy sản	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Phòng Khuyến nông chăn nuôi - Thủy sản	TT Khuyến nông			70

571	NN571	Nguyễn Thị Như	25/12/1984	Nuôi trồng thủy sản	Thực nghiệm kỹ thuật thủy sản	Trại Sản xuất giống thủy sản và dịch vụ Thanh Trì	TT Khuyến nông			80
572	NN572	Nguyễn Thị Cúc	08/10/1986	Chăn nuôi	Phát triển chăn nuôi	Phòng Phát triển chăn nuôi	TT Phát triển NN Hà Nội			43
573	NN573	Lưu Thị Thúy	14/11/1997	Chăn nuôi	Phát triển chăn nuôi	Phòng Phát triển chăn nuôi	TT Phát triển NN Hà Nội			53
574	NN574	Nguyễn Lương Huy	19/01/1981	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Phòng Phát triển chăn nuôi	TT Phát triển NN Hà Nội			81
575	NN575	Nguyễn Phương Thảo	12/08/1983	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Phòng Phát triển chăn nuôi	TT Phát triển NN Hà Nội			80
576	NN576	Nguyễn Đình Bôn	07/09/1974	Chăn nuôi Thú y	Phát triển chăn nuôi	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng I	TT Phát triển NN Hà Nội			Vắng
577	NN577	Trần Thị Chung	26/03/1985	Chăn nuôi Thú y	Phát triển chăn nuôi	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng I	TT Phát triển NN Hà Nội	Con thương binh	5	52
578	NN578	Khuất Thị Thanh Tâm	06/11/1983	Chăn nuôi Thú y	Phát triển chăn nuôi	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng I	TT Phát triển NN Hà Nội			66
579	NN579	Hoàng Đình Tuấn	20/11/1993	Chăn nuôi Thú y	Phát triển chăn nuôi	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng I	TT Phát triển NN Hà Nội			52
580	NN580	Nguyễn Thị Ngọc Anh	05/04/1979	Thú y	Thực nghiệm, khảo nghiệm, chọn lọc, duy trì các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng I	TT Phát triển NN Hà Nội			92
581	NN581	Nguyễn Thị Hào	21/01/1983	Thú y	Thực nghiệm, khảo nghiệm, chọn lọc, duy trì các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng I	TT Phát triển NN Hà Nội	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	39
582	NN582	Nguyễn Thị Hồng	20/10/1983	Thú y	Thực nghiệm, khảo nghiệm, chọn lọc, duy trì các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng I	TT Phát triển NN Hà Nội			55

583	NN583	Hoàng Mạnh Hùng	19/06/1991	Thú y	Thực nghiệm, khảo nghiệm, chọn lọc, duy trì các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 1	TT Phát triển NN Hà Nội			77
584	NN584	Nguyễn Thị Hằng	02/10/1979	Thú y	Phát triển chăn nuôi	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			62
585	NN585	Huỳnh Thị Hường	01/01/1996	Thú y	Phát triển chăn nuôi	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			58
586	NN586	Bùi Thị Châm	10/07/1982	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			85
587	NN587	Cao Thị Huệ	07/10/1979	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			62
588	NN588	Đàm Hồng Kiều	20/11/1980	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội			32
589	NN589	Đỗ Danh Lân	14/05/1986	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội	Con bệnh binh	5	90
590	NN590	Ngô Văn Ngự	10/10/1972	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 2	TT Phát triển NN Hà Nội	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	70
591	NN591	Lê Tiền Phong	28/07/1996	Thú y	Phát triển chăn nuôi	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội			70
592	NN592	Nguyễn Tuấn Anh	13/06/1989	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội			69
593	NN593	Trần Thị Hường	28/07/1988	Chăn nuôi Thú y	Xây dựng chuỗi liên kết	Trạm Phát triển nông nghiệp vùng 3	TT Phát triển NN Hà Nội			76
594	NN594	Thái Hoàng Tú	16/02/1987	Chăn nuôi Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Phòng Khuyến nông chăn nuôi - Thủy sản	TT Khuyến nông			84
595	NN595	Lê Thị Thu Hiền	20/07/1980	Chăn nuôi thú y	Khuyến nông Chăn nuôi thủy sản	Trạm Khuyến nông thị xã Sơn Tây	TT Khuyến nông			72
596	NN596	Trần Thị Phương	10/12/1989	Chăn nuôi thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông			84
597	NN597	Chu Văn Trường	18/01/1997	Chăn nuôi thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông			Vắng

598	NN598	Đặng Đức	Tuấn	28/03/1987	Chăn nuôi thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Phúc Thọ	TT Khuyến nông			78,5
599	NN599	Nguyễn Quốc	Đạt	07/03/1976	Chăn nuôi thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Chương Mỹ	TT Khuyến nông			83,5
600	NN600	Nguyễn Thị	Tuyến	21/10/1986	Chăn nuôi Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Ứng Hòa	TT Khuyến nông			91,5
601	NN601	Nguyễn Văn	Thuyền	01/02/1989	Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Ứng Hòa	TT Khuyến nông			87
602	NN602	Trần Ngọc	Oanh	23/12/1994	Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Mỹ Đức	TT Khuyến nông			79
603	NN603	Nguyễn Ngọc	Anh	28/09/1988	Chăn nuôi; Chăn nuôi thú y; Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			81
604	NN604	Phan Trung	Đức	10/03/1995	Chăn nuôi; Chăn nuôi thú y; Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			43
605	NN605	Nguyễn Thị	Hiền	20/04/1982	Chăn nuôi; Chăn nuôi thú y; Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Thường Tín	TT Khuyến nông			78
606	NN606	Đỗ Thế	Mạnh	19/02/1984	Chăn nuôi thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Gia Lâm	TT Khuyến nông			85,5
607	NN607	Đinh Thị Thu	Hoài	09/11/1991	Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Sóc Sơn	TT Khuyến nông			94
608	NN608	Vũ Văn	Hoàng	12/05/1993	Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Sóc Sơn	TT Khuyến nông			80
609	NN609	Vũ Trần	Chát	29/01/1980	Chăn nuôi thú y; Thú y	Khuyến nông Chăn nuôi - Thủy sản	Trạm Khuyến nông huyện Mê Linh	TT Khuyến nông			87
610	NN610	Lưu Thị	Hoa	13/03/1982	Thú y	Chăm sóc nuôi dưỡng động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	TT Cứu hộ động vật hoang dã			82,5

611	NN611	Nguyễn Văn	Hung	05/03/1983	Thú y	Chăm sóc nuôi dưỡng động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	TT Cứu hộ động vật hoang dã			82
612	NN612	Trần Văn	Lâm	18/02/1982	Thú y	Chăm sóc nuôi dưỡng động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	TT Cứu hộ động vật hoang dã			82
613	NN613	Trần Đình	Trọng	13/08/1976	Thú y	Chăm sóc nuôi dưỡng động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	TT Cứu hộ động vật hoang dã			83
614	NN614	Vũ Tú	Anh	06/05/1996	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			70
615	NN615	Vũ Thị Ngọc	Ánh	23/12/1996	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			72
616	NN616	Trần Thị	Dậu	26/02/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
617	NN617	Nguyễn Thị Thủy	Hà	28/06/1996	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
618	NN618	Đông Thị Bích	Hằng	02/07/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP	Con thương binh	5	65
619	NN619	Nguyễn Thị	Huê	04/02/1982	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
620	NN620	Nguyễn Thanh	Lê	21/09/1986	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			60
621	NN621	Chu Thị Hạnh	Ngân	30/10/1992	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			67
622	NN622	Nguyễn Hữu Trọng	Nghĩa	16/01/1994	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			57

623	NN623	Nguyễn Thanh Nhung	21/09/1987	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
624	NN624	Nguyễn Thị Thu Phương	29/05/1995	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			59
625	NN625	Nguyễn Thị Thu	18/03/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			62
626	NN626	Phạm Như Thùy	29/09/1979	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			80
627	NN627	Lưu Thị Trang	22/01/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Thú y	Kiểm nghiệm sinh học	Phòng Kiểm nghiệm sinh học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
628	NN628	Nguyễn Phương Anh	26/12/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			69
629	NN629	Bùi Văn Anh	11/08/1977	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			73
630	NN630	Nguyễn Thị Cải	10/05/1991	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng

631	NN631	Nguyễn Thế Đề	23/04/1995	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			80
632	NN632	Trương Hồng Giang	07/10/1990	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			62
633	NN633	Đặng Thu Hà	01/06/1994	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			41
634	NN634	Vũ Thị Hằng	21/05/1997	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			87,5
635	NN635	Nguyễn Thị Hòa	20/08/1986	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			67,5
636	NN636	Đào Thị Hương	25/04/1990	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			65,5

637	NN637	Nguyễn Thị Huyền	29/10/1990	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			59
638	NN638	Mai Thị Nga	12/08/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			75
639	NN639	Trần Thị Thùy	22/11/1994	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
640	NN640	Dương Thị Thu	29/09/1990	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			31,5
641	NN641	Nguyễn Thị Mai	08/05/1991	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
642	NN642	Ngô Thị Thảo	23/05/1995	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			54,5
643	NN643	Trần Hồng Nga	18/04/1995	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			87

644	NN644	Trần Hồng Ngọc	16/07/1990	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			87,5
645	NN645	Lê Thị Nhân	21/09/1987	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			79,5
646	NN646	Phạm Hồng Nhiên	11/08/1997	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			25,5
647	NN647	Đặng Ngọc Quý	16/07/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			10
648	NN648	Trần Như Quyết	31/08/1994	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			71,5
649	NN649	Nguyễn Xuân Thành	26/08/1995	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			66
650	NN650	Phan Hữu Thành	04/07/1984	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP	Con thương binh	5	63

651	NN651	Đặng Thị	Thảo	12/07/1987	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
652	NN652	Nguyễn Thị	Thu	05/09/1985	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			59,5
653	NN653	Đặng Anh	Tiến	11/04/1992	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
654	NN654	Nguyễn Hà	Trang	14/11/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			82,5
655	NN655	Hoàng Thu	Trang	17/03/1994	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			41
656	NN656	Bùi Trần	Tú	08/10/1993	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			52
657	NN657	Đinh Anh	Tuấn	17/02/1987	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			68

658	NN658	Nguyễn Chí	Tường	22/06/1992	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật hóa học; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Khoa học môi trường	Kiểm nghiệm hóa học	Phòng Kiểm nghiệm hóa học	TT Phân tích và CNCLSP			62
659	NN659	Hoàng Đức	Đạt	04/11/1990	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			78
660	NN660	Phùng Minh	Đức	14/09/1986	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			55
661	NN661	Nguyễn Thị Thanh	Hà	24/01/1989	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			78
662	NN662	Nguyễn Thị	Hiên	20/07/1984	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			Vắng
663	NN663	Cần Thị Hồng	Hiên	29/05/1986	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	45
664	NN664	Đàm Thị	Hiên	12/09/1992	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			55
665	NN665	Nguyễn Thùy	Linh	19/04/1986	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			68

666	NN666	Phạm Thị Lý	28/01/1994	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			85
667	NN667	Trần Thị Thanh Ngân	23/05/1989	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			65
668	NN668	Bùi Thị Trang	10/06/1990	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP	Con thương binh	5	Vắng
669	NN669	Nguyễn Thị Huyền Trang	20/04/1985	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			40
670	NN670	Hoàng Quang Vinh	10/01/1990	Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Bác sỹ thú y; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản,	Đánh giá chứng nhận	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP	Dân tộc thiểu số	5	Vắng
671	NN671	Chu Đức Quý	09/03/1995	Nuôi trồng thủy sản; Công nghệ sinh học; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản	Tư vấn và truyền thông	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			65
672	NN672	Phan Trung Thắng	22/02/1989	Nuôi trồng thủy sản; Công nghệ sinh học; Bảo quản chế biến; Chế biến thủy sản; Thủy sản	Tư vấn và truyền thông	Phòng Chứng nhận và Truyền thông	TT Phân tích và CNCLSP			85
673	NN673	Hoàng Thị Xuân Ban	27/06/1990	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			46
674	NN674	Vũ Việt Dũng	19/07/1997	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			51

675	NN675	Nguyễn Tùng	Dương	04/04/1997	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			59
676	NN676	Đinh Thị	Hà	18/02/1992	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			71
677	NN677	Đỗ Thanh	Hà	31/08/1994	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			60
678	NN678	Vũ Thị Thanh Kim	Huệ	20/03/1997	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			51
679	NN679	Nguyễn Thị Thùy	Linh	05/09/1993	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			31
680	NN680	Nguyễn Việt	Mạnh	17/02/1993	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			59
681	NN681	Nguyễn Hải	Nam	10/09/1994	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			72
682	NN682	Nguyễn Hồng	Nhung	11/12/1995	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			41
683	NN683	Ngô Thị	Phương	24/08/1994	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			56
684	NN684	Vũ Hồng	Quang	28/08/1983	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			Vắng
685	NN685	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	07/04/1996	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			66

686	NN686	Trần Văn	Son	02/05/1988	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD	Dân tộc thiểu số	5	61
687	NN687	Kim Thị Thu	Trang	23/08/1992	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			59
688	NN688	Phạm Xuân	Trường	10/08/1989	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			67
689	NN689	Nguyễn Thanh	Trường	11/11/1992	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			71
690	NN690	Ngô Minh	Tuấn	14/02/1995	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			Vắng
691	NN691	Trần Khánh	Vinh	15/04/1997	Lâm nghiệp; Khoa học môi trường; Quản lý đất đai; Địa chính	Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Phòng Quản lý bảo tồn và phát triển rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			72
692	NN692	Lê Bá	Chiến	14/10/1982	Lâm sinh; Lâm nghiệp; Sinh học	Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Phòng Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Ban QL rừng PH - ĐD			60
693	NN693	Nguyễn Văn	Đức	30/04/1993	Lâm sinh; Lâm nghiệp; Sinh học	Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Phòng Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Ban QL rừng PH - ĐD			71
694	NN694	Phạm Mạnh	Thắng	05/09/1977	Lâm sinh; Lâm nghiệp; Sinh học	Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Phòng Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Ban QL rừng PH - ĐD			54
695	NN695	Nông Ngọc	Thụ	07/07/1988	Lâm sinh; Lâm nghiệp; Sinh học	Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Phòng Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Ban QL rừng PH - ĐD	Dân tộc thiểu số	5	58
696	NN696	Phạm Thị	Trang	07/07/1996	Lâm sinh; Lâm nghiệp; Sinh học	Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Phòng Khoa học - Kỹ thuật và hợp tác quốc tế	Ban QL rừng PH - ĐD			66

697	NN697	Nguyễn Công	Chức	02/11/1980	Quản lý đất đai; Địa chính	Bảo vệ rừng	Trạm bảo vệ rừng Sóc Sơn	Ban QL rừng PH - ĐD			Vắng
698	NN698	Đinh Tiến	Dùng	27/07/1987	Quản lý đất đai; Địa chính	Bảo vệ rừng	Trạm bảo vệ rừng Sóc Sơn	Ban QL rừng PH - ĐD			50
699	NN699	Nguyễn Xuân	Hoàng	18/10/1994	Quản lý đất đai; Địa chính	Bảo vệ rừng	Trạm bảo vệ rừng Sóc Sơn	Ban QL rừng PH - ĐD			Vắng
700	NN700	Nguyễn Thị Kim	Oanh	12/11/1994	Quản lý đất đai; Địa chính	Bảo vệ rừng	Trạm bảo vệ rừng Sóc Sơn	Ban QL rừng PH - ĐD			70
701	NN701	Đinh Thị Ngọc	Ánh	09/01/1990	Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng	Cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy; chữa cháy rừng	Đội cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy; chữa cháy rừng	Ban QL rừng PH - ĐD	Dân tộc thiểu số	5	60
702	NN702	Quản Hiền	Dung	18/02/1995	Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng	Cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy; chữa cháy rừng	Đội cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy; chữa cháy rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			Vắng
703	NN703	Đoàn Văn	Hùng	01/10/1996	Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng	Cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy; chữa cháy rừng	Đội cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy; chữa cháy rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			70
704	NN704	Nguyễn Văn	Trung	17/02/1985	Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng	Cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy; chữa cháy rừng	Đội cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy; chữa cháy rừng	Ban QL rừng PH - ĐD			82

Phụ trách máy tính


Nguyễn Trà Giang

Ban Giám sát


Phạm Khắc Diễm

Thư ký


Nguyễn Văn Vĩnh

Chủ tịch Hội đồng


Nguyễn Huy Đăng